

Bản án số: 129/2025/DS-ST
Ngày: 13/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 78/TB-TA ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 275/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C, địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 1A, xã Mỹ Y, huyện Bến L, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NAM KI D – chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Đức C, sinh năm 1978, chức vụ Chuyên viên, địa chỉ liên lạc: Quốc lộ 1A, xã Mỹ Y, huyện Bến L, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Ông Phan Hoàng H, sinh năm 1988, chức vụ Chuyên viên, địa chỉ liên lạc: Quốc lộ 1A, xã Mỹ Y, huyện Bến L, tỉnh Long An. (có mặt)
(Giấy uỷ quyền số 01.04.2025 UQ-CJ ngày 01/4/2025)

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1979, (vắng mặt);
- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1981, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 233/07, ấp Mỹ T, xã M, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, đại diện nguyên đơn là ông Phan Hoàng H trình bày:

Ngày 23/6/2021, Công ty TNHH C (Gọi tắt là Công ty C) và ông Lê Văn S có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số: 1102063/2021/HĐ-CJVA, hợp đồng có thời hạn đến hết ngày 31/12/2021, theo đó Công ty C cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông S và ông S có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty C.

Sau khi hợp đồng hết hạn, hai bên vẫn thương lượng, thoả thuận để tiếp tục mua bán với nhau và sẽ ký gia hạn hợp đồng. Trong thời gian chờ ký gia hạn hợp đồng, ông S yêu cầu Công ty C tiếp tục cung cấp hàng để không làm gián đoạn việc cung ứng thức ăn cho vật nuôi thuỷ sản, do đó Công ty C vẫn tiến hành giao hàng hoá cho ông S với số lượng hàng là 25.175 kg, thành tiền là 438.571.825 đồng, ông S đã thanh toán cho Công ty C số tiền 97.565.112 đồng.

Ông S thay đổi ý định không ký gia hạn hợp đồng. Ngày 06/10/2022, Công ty C và ông S đối chiếu công nợ, theo đó ông S còn nợ Công ty C số tiền 341.006.713 đồng. Công ty C khấu trừ chiết khấu mua hàng cho ông S số tiền là 69.730.553 đồng, hiện tại ông S còn nợ Công ty C số tiền là 271.276.160 đồng.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn S và bà Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền là 271.276.160 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông S và bà N không thanh toán tiền còn nợ thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Ông S và bà N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S và bà N đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của Công ty C nhưng ông S và bà N vắng mặt không có lý do, nên Toà án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông S và bà N.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa Công ty C với ông S trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Ông S đã vi phạm hợp đồng nên Công ty C khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ theo hợp đồng, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bị đơn là ông S và bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi giữa Công ty C với ông S trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo đại diện nguyên đơn trình bày, sau khi hợp đồng hết hạn Công ty C vẫn tiến hành giao hàng hoá cho ông S với số lượng hàng là 25.175 kg, thành tiền là 438.571.825 đồng, ông S đã thanh toán cho Công ty C số tiền 97.565.112 đồng. Ngày 06/10/2022, Công ty C và ông S đối chiếu công nợ, theo đó ông S còn nợ Công ty C số tiền 341.006.713 đồng. Công ty C khấu trừ chiết khấu mua hàng cho ông S số tiền là 69.730.553 đồng, hiện tại ông S còn nợ Công ty C số tiền là 271.276.160 đồng.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định pháp luật, triệu tập hợp lệ ông S và bà N đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải về yêu cầu khởi kiện của Công ty C nhưng ông S và bà N vắng mặt không có lý do, cũng không khiếu nại, không có ý kiến phản bác, phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Từ cơ sở trên có căn cứ xác định ông S còn nợ Công ty C tổng số tiền là 271.276.160 đồng. Ông S đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ tiền thức ăn chăn nuôi, do đó Công ty C khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Việc ông S mua thức ăn chăn nuôi của Công ty C số lượng lớn để phục vụ kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân, buộc bà N phải biết, nên Công ty C yêu cầu bà N cùng liên đới với ông S chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty C là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét buộc ông S và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty C tổng số tiền là 271.276.160 đồng.

[3] Về án phí:

Ông S và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C.

Buộc ông Lê Văn S và bà Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH C số tiền 271.276.160 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn S và bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.563.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Công ty TNHH C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.344.000 đồng (Chín triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005541 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lương Ngọc Dũng

